TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 863/2022/HS-PT
Ngày 15/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Thành Quang;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;

Ông Nguyễn Xuân Phách.

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Dịu - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà:

Ông Hoàng Minh Thành - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 979/2022/TLPT-HS ngày 20/10/2022, đối với bị cáo Phạm Ngọc L bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 338/2022/HS-ST ngày 08/9/2022.

Bị cáo **Phạm Ngọc L**, sinh năm 1971; giới tính: Nam; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 5/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; tiền án, tiền sự: Không; con ông Phạm Ngọc Ch (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; vợ là Trần Thị Thu H (đã ly hôn); có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2007); bị bắt tạm giam ngày 14/01/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

***- Người bào chữa cho bị cáo (do Tòa án chỉ định)*:** Luật sư Nguyễn Quang T - Văn phòng luật sư Đ và cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2014, do có nhu cầu mua đất tại thôn K, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội để làm nơi chôn cất mồ mả nên anh Nguyễn Hoàng H nhờ anh Phạm Văn Đ tìm mua hộ. Anh Đ nhờ em ruột là Phạm Ngọc L tìm mua đất cho anh H, L đồng ý. L tìm gặp ông Trần Quang Kh và bà Nguyễn Thị Th hỏi mua 2 thửa đất ruộng số 235/16 và số 242/1 tờ bản đồ số I có tổng diện tích 634 m2 đứng tên ông Khánh bà Th tại bãi mả K, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội, ông Kh, bà Th đồng ý bán cho thửa đất trên với giá 120.000.000 đồng. Ngày 01/10/2014, L đặt cọc cho ông Kh, bà Th số tiền 10.0000.000 đồng, sau khi nhận tiền ông Kh, bà Th đã viết giấy nhận đặt cọc và giao cho L giữ. Sau khi đặt cọc mua đất xong, L thông báo cho anh Đ về việc đã hỏi mua được 02 thửa ruộng của ông Kh, bà Th cho anh H để anh Đ thông báo lại cho anh H. Trưa ngày 05/10/2014, anh H cùng vợ là chị Trần Thị Thanh B đến nhà L để xem và mua đất. L chỉ cho anh H, chị B vị trí thửa đất số 235/16 và thửa đất số 242/1 tờ bản đồ số I của ông Kh, bà Th. Sau đó, anh H, chị B thoả thuận với L và đồng ý mua 02 thửa đất trên với giá 325.000.000 đồng. L gọi cho một người đàn ông khoảng 50 tuổi đến nhà L và giới thiệu với anh H, chị B người đàn ông này là chủ 02 thửa đất ruộng trên, tên là Kh. L viết hợp đồng chuyển nhượng đất với nội dung *"ông Trần Quốc Kh bán cho anh H thửa đất trên với giá 325.000.000đ"* sau đó đưa cho người đàn ông ký tên vào mục người chuyển nhượng và đưa lại cho anh H. Anh H giao cho L số tiền 275.000.000đ, số tiền còn thiếu anh H nói L chờ để anh H vay anh Đ trả cho L. Tại nhà anh Đ, anh H thông báo cho anh Đ biết đã mua mảnh đất của ông Kh, bà Th với giá 325.000.000đ và hỏi vay anh Đ cho vay số tiền 50.000.000 đồng để trả nốt cho L. Sau khi được anh Đ cho vay tiền, anh H đưa hợp đồng chuyển nhượng L viết trước đó và đề nghị anh Đ ký vào hợp đồng với vai trò người chứng kiến rồi quay lại nhà L trả cho L số tiền 50.000.000đ. Sau khi nhận 325.000.000 đồng của anh H, tối ngày 05/10/2014 L đến nhà ông Kh, bà Th thanh toán nốt số tiền 110.000.000 đồng và yêu cầu ông Kh, bà Th ký vào giấy chuyển nhượng thửa đất số 235/16 và thửa đất số 242/1 tờ bản đồ số I cho L.

Sau khi mua được đất, vì xác định chỉ là đất để chôn cất và xây dựng mồ mả nên anh H không làm thủ tục sang tên đối với thửa đất trên. Anh H nói chuyện và đưa anh Nguyễn Văn T và anh Vương Quốc H bạn của anh H đi xem 02 (hai) thửa đất ruộng nêu trên và hứa sẽ cho T và H mỗi người một phần đất để làm nơi chôn cất mồ mả sau này. Cuối năm 2015, anh Đ nói với anh H nên xây tường bao quanh khu đất để tránh tranh chấp, đồng thời thấy phần đất anh H đã mua tiếp giáp với ruộng nhà chị Nguyễn Thị Bích S bị gấp khúc không vuông vắn đất nên bảo anh H mua thêm một phần đất để cho vuông đất, anh H đồng ý và nhờ anh Đ mua hộ. Anh Đ nhờ chị Trần Thị Thu H (là vợ L) mua hộ, chị H đồng ý. Chị S thoả thuận đồng ý bán cho chị H 36m2 đất ruộng của chị S với giá 16.000.000 đồng, có viết giấy biên nhận. Sau đó, chị H chuyển lại giấy biên nhận cho anh Đ giữ. Do trước đó được anh H hứa hẹn sẽ chia cho anh H1 và anh

T mỗi người một phần đất để làm nơi chôn cất sau này nên khi được anh H thông báo về việc xây tường bao quanh khu đất, anh T và anh H1 thống nhất sẽ chịu phần chi phí xây tường bao quanh 02 (hai) thửa đất đã mua và cùng thống nhất nhờ L xây hộ tường bao quanh 02 (hai) thửa đất. Đầu năm 2016 sau khi xây xong tường bao, L nói với anh Đ chi phí xây dựng tường bao hết 70.000.000 đồng, anh Đ thông báo lại cho chị B (vợ anh H), chị B thông báo lại cho anh Tbiết. Anh T tìm gặp L, L đưa cho bảng kê chi phí xây dựng hết 87.000.000 đồng, anh T thanh toán đủ số tiền trên cho L.

Cuối năm 2020, anh Bùi Văn Th thấy có một mảnh đất ruộng được xây tường bao ngay cạnh bãi nghè gần khu mộ của gia đình nên anh Th muốn mua để trồng cây và làm đường vào khu mộ. Anh Th tìm hiểu và được L giới thiệu mảnh đất trên là của L, L đã mua lại của ông Kh nhưng chưa làm thủ tục sang tên và chưa bán cho bất kỳ ai khác. Sau khi tìm hiểu tại Ủy ban nhân dân xã C được biết mảnh đất trên đứng tên ông Trần Quang Kh nên anh Th đồng ý mua mảnh đất trên của L với giá 600.000.000 đồng. Ngày 05/01/2021, L viết giấy biên nhận tiền với nội dung bán lại toàn bộ diện diện tích 02 (hai) thửa đất đã được xây tường bao quanh gồm thửa đất số 235/16, thửa đất số 242/1 tờ bản đồ số I và phần 36m2 đất ruộng của chị S cho anh Th với giá 600.000.000 đồng. Sau đó, L dẫn anh Th đến nhà ông Kh, bà Th. L nói với ông Kh bà Th là L đã bán mảnh đất trên cho anh Th và đề nghị ông Kh, bà Th ký vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Th để anh Th làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất đồng thời, L thanh toán số tiền 2.000.000 đồng cho ông Kh bà Th tiền đóng sản lượng từ năm 2014 đến năm 2021.

Sau khi phát hiện L bán mảnh đất trên cho anh Th, anh H đã có đơn tố giác hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của L đến Cơ quan điều tra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 338/2022/HS-ST ngày 08/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Ngọc L 11 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2022.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/9/2022, Phạm Ngọc L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L trình bày, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã tác động để gia đình bồi thường cho bị hại được 100.000.000 đồng; bị cáo L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt để bị cáo có điều kiện tiếp tục bồi thường cho bị hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Bị cáo đã gian dối để chiếm đoạt của anh Thủy 600.000.000 đồng; mới khắc phục được 100.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng tội danh và khung hình phạt. Tuy

nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, đã bồi thường cho bị hại được một phần thiệt hại, gia đình có hoàn cảnh khó khăn (là hộ cận nghèo tại địa phương). Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, đúng pháp luật; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo và tuyên phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, không có tình tiết gì mới để xem xét giảm nhẹ thêm hình phạt cho bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Phạm Ngọc L có đơn kháng cáo trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Năm 2021, Phạm Ngọc L đã đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt của anh Bùi Văn Th 600.000.000 đồng thông qua việc giả chuyển nhượng 02 thửa đất ruộng có tổng diện tích 634 m^2 đứng tên ông Trần Quang Kh bà Nguyễn Thị Th và thửa đất có diện tích 36 m^2 của chị Nguyễn Thị Bích S tại bãi mả K, xã C mà trước đó đã được chuyển nhượng cho anh Nguyễn Hoàng H vào năm 2014. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Phạm Ngọc L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự (Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt, tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; sau khi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình nộp tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội 100.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt - đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Ngọc L 11 năm tù (mức dưới khung hình phạt) là đã thể hiện sự khoan hồng. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết gì mới để xem xét giảm nhẹ thêm hình phạt cho bị cáo. Bởi vậy, không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo mà cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[5] Về án phí, do không được chấp nhận kháng cáo, căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án", bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc L, giữ nguyên quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 338/2022/HS-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc L 11 (mười một) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/01/2022.

2. Bị cáo Phạm Ngọc L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND TP. Hà Nội;
- Công an TP. Hà Nội;
- TTG Công an TP. Hà Nội;
- Cục THADS TP. Hà Nội;
- Bị cáo L (qua Trại TG số 2 Công an thành phố Hà Nội);
- Lưu Phòng HCTP (VP), HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thành Quang